

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/DS-ST

Ngày: 28-4-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Ngân

2. Bà Đặng Thị Ngọc Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 3162/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH M; địa chỉ: Tầng B, số H C, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Ngô Nguyễn Hà Y, sinh năm 2003; Căn cước công dân số: 07030000...; địa chỉ liên hệ: Tầng A, Số A, Đường số A, Khu đô thị V, phường H, thành phố T là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 01/2025/POA ngày 10/4/2025) – vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Trí B, sinh năm 1973, Căn cước công dân số: 079073016...; địa chỉ: H tầng D Đ, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Công ty TNHH M (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) trình bày:

Ngày 20/01/2014, ông Phạm Trí B và Công ty TNHH MTV T (nay đổi tên thành Công ty T), sau đây gọi tắt là “SVFC” có ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10547827. Theo đó, SVFC cho ông B vay 66.000.000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay: 36 tháng (từ 01/02/2014 đến 01/01/2017); lãi suất vay: 38.5%/năm; lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn; nợ gốc và nợ lãi được chia thành 36 kỳ thanh toán (Mỗi kỳ thanh toán trả 3.117.800 đồng, riêng kỳ đầu trả 1.776.800 đồng và kỳ cuối trả 3.118.500 đồng); phương thức vay: tín chấp, không có tài sản bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bị đơn thanh toán đúng hạn đến ngày 01/11/2015 được 22 kỳ thanh toán, từ ngày 01/12/2015 bị đơn ngưng thanh toán, toàn bộ dư nợ gốc của bị đơn chuyển sang nợ quá hạn, tính đến ngày kết thúc hợp đồng 01/01/2017 bị đơn thanh toán được 70.080.150 đồng.

Ngày 09/9/2022, SVFC ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC với nguyên đơn. Theo thỏa thuận, SVFC đã chuyển nhượng cho nguyên đơn nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng, trong đó bao gồm Hợp đồng tín dụng của bị đơn và nguyên đơn có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định pháp luật.

Sau khi khoản nợ của bị đơn được chuyển nhượng cho nguyên đơn, nguyên đơn đã nhiều lần thông báo, đôn đốc bị đơn trả nợ đầy đủ, đúng hạn nhưng đến nay bị đơn vẫn thể hiện sự thiếu hợp tác trong quá trình làm việc, chậm trả nợ và trì hoãn việc thực hiện các nghĩa vụ.

Vì những lý do trên, nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Phạm Trí B phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 28/4/2025 là 211.814.173 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 34.723.800 đồng; nợ lãi quá hạn tính từ ngày 01/12/2015 đến ngày 01/01/2017: 11.653.178 đồng; nợ lãi quá hạn tính từ ngày 01/02/2017 đến ngày 28/4/2025: 162.095.039 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 29/4/2025, ông Phạm Trí B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 10547827 cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Bị đơn là ông phạm Trí B: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục triệu tập hợp lệ theo quy định pháp luật, nhưng bị

đơn không có văn bản phản hồi ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên vụ án không tiến hành hòa giải được và vắng mặt tại phiên tòa

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Công ty TNHH M nợ quốc tế khởi kiện ông Phạm Trí B tranh chấp hợp đồng tín dụng cá nhân ngày 20/01/2014 được ký kết giữa ông B và Công ty T, theo Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC ngày 09/9/2022 giữa nguyên đơn và Công ty T; bị đơn cư trú tại địa chỉ số H, Tầng D Đ, Khu phố A, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Phạm Trí B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; bà Ngô Nguyễn Hà Y đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Phạm Trí B thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/4/2025, cụ thể: Nợ gốc: 34.723.800 đồng; nợ lãi quá hạn tính từ ngày 01/12/2015 đến ngày 01/01/2017: 11.653.178 đồng; nợ lãi quá hạn tính từ ngày 01/02/2017 đến ngày 28/4/2025: 162.095.039 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Ông Phạm Trí B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp đã được công bố tại phiên tòa gồm: Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10547827 ngày 20/01/2014 giữa Công ty T và ông Phạm Trí B, Bảng tính lãi chi tiết hợp đồng số 10547827 của nguyên đơn, Thông báo về việc xử lý dư nợ của khách hàng của Công ty T; Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC giữa nguyên đơn và Công ty T để Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Từ các chứng cứ nêu trên xác định Công ty T có cho ông Phạm Trí B vay tiền theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10547827 ngày 20/01/2014, số tiền vay 66.000.000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay: 36 tháng (từ 01/02/2014 đến 01/01/2017); lãi suất vay: 38.5%/năm; lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn; nợ gốc và nợ lãi được chia thành 36 kỳ thanh toán (Mỗi kỳ thanh toán trả 3.117.800 đồng, riêng kỳ đầu trả 1.776.800 đồng và kỳ cuối trả 3.118.500 đồng); phương thức vay: tín chấp, không có tài sản bảo đảm. Theo bảng tính lãi chi tiết hợp đồng do nguyên đơn cung cấp, bị đơn đã thanh toán được 22 kỳ với số tiền là 70.080.150 đồng, còn lại 34.723.800 đồng thì ngừng thanh toán kể từ ngày 01/12/2015 và Công ty T đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc của bị đơn sang nợ quá hạn.

[6] Ngày 09/9/2022, khoản vay của hợp đồng tín dụng trên bao gồm nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, phạt... phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà ông B ký kết với Công ty T được chuyển nhượng cho Công ty TNHH M nợ quốc tế theo Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC. Căn cứ khoản 2 Điều 365, Điều 450 Bộ luật Dân Sự 2015; Thông tư 09/2015/TTNHNN ngày 17/7/2015 quy định về hoạt động mua bán nợ của các tổ chức tín dụng; điểm b, c khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 03/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân về kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng. Xác định thủ tục chuyển quyền cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[7] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 4 Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10547827 ngày 20/01/2014; ngày 01/12/2015 toàn bộ dư nợ gốc của bị đơn chuyển sang nợ quá hạn; việc chuyển nợ quá hạn đối với khoản tín dụng

quá hạn là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 4, Điều 8 Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10547827 và phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; lãi, lãi suất chậm trả tại thời điểm xét xử sơ thẩm xác định theo quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[8] Từ những nhận định trên, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10547827 ngày 20/01/2014 là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng và quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 18, 20, 21 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên có căn cứ để được chấp nhận.

[9] Số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả đối với Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10547827 ngày 20/01/2014 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/4/2025 là 281.814.173 đồng; trong đó: nợ gốc 34.723.800 đồng và lãi quá hạn từ ngày 01/12/2017 đến 01/01/2017: 11.653.168 đồng, lãi quá hạn từ ngày 01/02/2017 đến ngày 28/4/2025 là 162.095.039 đồng; kể từ ngày 29/4/2025, ông Phạm Trí B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên theo Hợp đồng tín số 10547827 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn 281.814.173 đồng, án phí dân sự sơ thẩm là 14.090.709 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Phạm Trí B có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH M nợ quốc tế số tiền nợ gốc là 34.723.800 đồng và lãi quá hạn từ ngày 01/12/2017 đến 01/01/2017: 11.653.168 đồng, lãi quá hạn từ ngày 01/02/2017 đến ngày 28/4/2025 là 162.095.039 đồng. Tổng cộng là 281.814.173 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 29/4/2025, ông Phạm Trí B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín số 10547827 ngày 20/01/2014 cho đến khi thanh toán hết nợ, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Phạm Trí B chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.090.709 đồng.

Công ty TNHH M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.028.116 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0046119 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Công ty TNHH M, ông Phạm Trí B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự..

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ việc.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Thị Phụng

